

Số: 158 /QĐ-PTTH

Đồng Tháp, ngày 03 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023
của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đồng Tháp

GIÁM ĐỐC ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 09 tháng 04 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/ TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/ TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023 của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đồng Tháp (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính; Trưởng các Phòng chuyên môn trực thuộc; Phụ trách Kế toán Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đồng Tháp tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, TC.

KT. GIÁM ĐỐC,
PHÓ GIÁM ĐỐC



Ngô Thị Ngọc Hạnh



ĐÀI PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH TỈNH ĐỒNG THÁP
CHƯƠNG 442

BIỂU 04:

Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày
29/8/2018 của Bộ Tài chính

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 158 ngày 03/7/2024 của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đồng Tháp)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu	78.579	78.579	0	
I	Số thu phí, lệ phí	0	0	0	
1	Lệ phí	-	-	0	
2	Phí	-	-	0	
II	Kinh phí được giao trong năm	14.624	14.624	0	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (hao mòn TSCĐ)	14.624	14.624	0	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			0	
III	Số thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ	63.505	63.505	0	
IV	Số thu từ hoạt động khác	450	450	0	
B	Quyết toán chi	76.492	76.492	0	
I	Chi từ nguồn thu được để lại	64.330	64.330	0	
1	Chi hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ	64.095	64.095	0	
2	Chi hoạt động khác	235	235	0	
II	Nộp NSNN (thuế TNDN)			0	
III	Các khoản chi sau thuế			0	
IV	Chi ngân sách nhà nước (hoạt động sự nghiệp, phát thanh, truyền hình)	12.162	12.162	0	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (hao mòn TSCĐ)	12.162	12.162	0	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			0	
C	Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau sử dụng	2.087	2.087	0	